**Bài 37 - 38. CÁC ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA QUẦN THỂ SINH VẬT**

**VI. KÍCH THƯỚC CỦA QUẦN THỂ SINH VẬT**

**1. Kích thước tối thiểu và kích thước tối đa**

- **Kích thước** của QTSV là: số lượng cá thể (hoặc khối lượng hoặc năng lượng tích lũy trong các cá thể) phân bố trong khoảng không gian của QT. Ví dụ: QT voi trong rừng mưa nhiệt đới : 25 con/quần thể, QT gà rừng 200 con/quần thể.

- **Kích thước tối thiểu** là : số lượng cá thể ít nhất mà QT cần có để duy trì và phát triển. Khi dưới mức này ⭢ QT suy giảm ⭢ diệt vong.

- **Kích thước tối đa** là : giới hạn cuối cùng về số lượng mà quần thể có thể đạt được, phù hợp với khả năng cung cấp nguồn sống của môi trường. Khi kích thước quá lớn ⭢ cạnh tranh, ô nhiễm, bệnh tật,.. ⭢ cá thể di cư và mức tử vong cao.

**2. Những nhân tố ảnh hưởng tới kích thước của quần thể sinh vật**

***a. Mức độ sinh sản của quần thể sinh vật***

 - Là số lượng cá thể của QT được sinh ra trong 1 đơn vị thời gian.

 - Bị giảm sút khi thiếu thức ăn, nơi ở,...

***b. Mức tử vong của quần thể sinh vật***

 - Là số lượng cá thể của QT bị chết trong 1 đơn vị thời gian.

 - Phụ thuộc vào trạng thái của QT, điều kiện sống, mức độ khai thác của con người.

***c. Phát tán cá thể của quần thể sinh vật***

- Xuất cư là hiện tượng 1 số cá thể rời bỏ QT mình ⭢ nơi sống mới.

- Nhập cư là hiện tượng 1 số cá thể nằm ngoài QT chuyển tới sống trong QT.

 \* Khi điều kiện sống **thuận lợi** ⭢ xuất cư ít, nhập cư không gây ảnh hưởng. Khi điều kiện sống **bất lợi** ⭢ xuất cư nhiều.

**VI. TĂNG TRƯỞNG CỦA QUẦN THỂ SINH VẬT**

- Trong điều kiện môi trường **hoàn toàn** thuận lợi (điều kiện môi trường **không** bị giới hạn) + tiềm năng sinh học của cá thể cao ⭢ QT tăng trưởng theo tiềm năng sinh học: đường cong tăng trưởng có hình chữ J (về lí thuyết).

- Trong điều kiện môi trường **không** hoàn toàn thuận lợi (điều kiện môi trường **bị** giới hạn) ⭢ tăng trưởng QT giảm : đường cong tăng trưởng có hình chữ S (trên thực tế).

**VII. TĂNG TRƯỞNG CỦA QUẦN THỂ NGƯỜI**

- Dân số thế giới tăng trưởng liên tục trong suốt quá trình phát triển lịch sử.

- Dân số tăng nhanh là nguyên nhân chủ yếu làm cho chất lượng môi trường giảm sút ⭢ ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống của con người.

**🙦🙥🙦🙥🙦**

**BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM**:

**Câu 1:** Các dấu hiệu đặc trưng cơ bản của quần thể là

**A. Cấu trúc giới tính, cấu trúc tuổi, sự phân bố cá thể, mật độ, kích thước, kiểu tăng trưởng**

**B.** Sự phân bố cá thể, mật độ cá thể, sức sinh sản, sự tử vong, kiểu tăng trưởng

**C.** Cấu trúc giới tính, mật độ cá thể, sức sinh sản, sự tử vong, kiểu tăng trưởng

**D.** Độ nhiều, sự phân bố cá thể, mật độ cá thể, sức sinh sản, sự tử vong, kiểu tăng trưởng

**Câu 2:** Những kiểu phân bố cá thể chủ yếu của quần thể là

**A.** Phân bố đồng đều và phân bố ngẫu nhiên

**B.** Phân bố theo nhóm và phân bố ngẫu nhiên

**C.** Phân bố theo nhóm và phân bố đồng đều

**D. Phân bố đồng đều, phân bố ngẫu nhiên và phân bố theo nhóm**

**Câu 3:** Mật độ cá thể trong quần thể có ảnh hưởng tới

**A.** Cấu trúc tuổi của quần thể

**B.** Kiểu phân bố cá thể của quần thể

**C. Khả năng sinh sản và mức độ tử vong của các cá thể trong quần thể**

**D.** Mối quan hệ giữa các cá thể trong quần thể

**Câu 4:** Tỉ lệ giới tính ở ngỗng và vịt lại là 40 /60 (hay 2:3) vì:

**A.** Phân hoá kiểu sinh sống. **B.** Do nhiệt độ môi trường.

**C.** Do tập tính đa thê. **D. Tỉ lệ tử vong 2 giới không đều.**

**Câu 5:** Khi số lượng cá thể của quần thể ở mức cao nhất để quần thể có khả năng duy trì phù hợp nguồn sống thì gọi là:

**A.** Kích thước tối thiểu. **B. Kích thước tối đa.**

**C.** Kích thước bất ổn. **D.** Kích thước phát tán.